

CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.



ISO 9001:2015

BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH
9 THÁNG ĐN 2018

ĐƠN VỊ BÁO CÁO : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN
ĐƠN VỊ NHẬN BC : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NGƯỠC

THÁNG 10 NĂM 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		69.617.359.335	47.520.919.895
I. Tiền	110		13.502.425.016	17.448.213.743
1. Tiền	111	V.01	13.502.425.016	13.948.213.743
2. Các khoản tương đương tiền	112			3.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	122			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.878.073.739	5.060.890.580
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	3.566.803.829	1.491.176.107
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	1.581.240.000	181.350.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	9.730.029.910	3.403.917.933
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05		(15.553.460)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		40.316.873.654	24.609.630.727
1. Hàng tồn kho	141	V.06	40.316.873.654	24.609.630.727
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		919.986.926	402.184.845
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	908.013.426	390.211.345
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	11.973.500	11.973.500
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =210+220+240+250+260)	200		60.589.546.169	64.031.991.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		379.008.762	360.021.319
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	379.008.762	360.021.319
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		50.225.974.885	45.477.536.633
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	34.988.910.863	29.087.067.711
- Nguyên giá	222		102.363.452.257	94.289.443.495
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(67.374.541.394)	(65.202.375.784)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	15.237.064.022	16.390.468.922
- Nguyên giá	228		26.169.164.502	26.169.164.502
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(10.932.100.480)	(9.778.695.580)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.798.271.371	6.410.394.180
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	6.798.271.371	6.410.394.180
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	-	7.055.746.879
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			7.055.680.000
- Vốn Góp Liên Doanh				
- Đầu tư vào Công Ty Liên Kết				7.055.680.000
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253			66.879
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.186.291.151	4.728.292.785
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.186.291.151	4.728.292.785
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		130.206.905.504	111.552.911.691

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		43.424.620.725	32.123.292.224
I. Nợ ngắn hạn	310		43.424.620.725	32.123.292.224
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.576.683.458	10.889.134.161
2. Người mua trả tiền trước	312	V.13	1.273.569.416	450.471.479
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.751.326.237	3.352.049.250
4. Phải trả người lao động	314		7.836.918.529	8.833.100.080
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.323.029.588	1.197.683.695
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	6.569.877.029	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng - Phúc Lợi	322	V.17	8.093.216.468	7.400.853.559
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Chi phí phải trả dài hạn	332			
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335			
6. Phải trả dài hạn khác	336			
7. Vay và nợ thuê tài chính	337			
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế Thu Nhập hoãn lại phải trả	339			
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340			
11. Quỹ phát triển Khoa Học và Công nghệ	341			
12. Dự Phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.782.284.779	79.429.619.467
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.18	86.782.284.779	79.429.619.467
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.206.940.000	53.206.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		80.284.000	80.284.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		710.400.000	710.400.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(62.460.000)	(62.460.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.331.088.206	12.004.472.814
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.516.032.573	13.489.982.653
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.104.647.684	7.814.020.873
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.411.384.889	5.675.961.780

12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		130.206.905.504	111.552.911.691

Vũng Tàu, Ngày 13 Tháng 10 Năm 2018

Người lập báo cáo

Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai

Trần Thị Cảnh



Lưu Ngọc Thanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 QUÝ III NĂM 2018**

Đơn vị tính: đồng

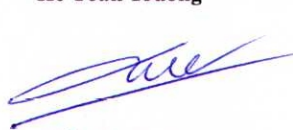
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	64.904.925.575	57.717.780.155	178.437.580.912	154.796.670.860
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3	DT thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		64.904.925.575	57.717.780.155	178.437.580.912	154.796.670.860
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46.436.000.123	41.703.230.229	124.079.209.283	107.362.210.235
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và dịch vụ (20=10-11)	20		18.468.925.452	16.014.549.926	54.358.371.629	47.434.460.625
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.139.690	36.658.881	24.500.161	312.011.015
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	62.824.452	50.117.061	280.517.802	131.313.165
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		62.824.452	50.117.061	280.517.802	131.313.165
8	Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.792.484.475	6.566.810.193	23.225.649.454	18.698.988.894
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.769.191.067	3.317.151.158	10.712.876.528	9.594.939.215
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		6.846.565.148	6.117.130.395	20.163.828.006	19.321.230.366
11	Thu nhập khác	31		-	607.500	41.513.949	5.173.918
12	Chi phí khác	32		37.067.863	9.381.507	80.479.215	123.248.700
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	VI.7	(37.067.863)	(8.774.007)	(38.965.266)	(118.074.782)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.809.497.285	6.108.356.388	20.124.862.740	19.203.155.584
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.293.941.530	1.186.373.743	3.794.093.148	3.750.673.630
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51 -52)	60		5.515.555.755	4.921.982.645	16.330.769.592	15.452.481.954
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	810	699	2.397	2.195

Người Lập Biểu



Lưu Thị Mai

Kế Toán Trưởng



Trần Thị Cảnh

Vũng Tàu, Ngày 13 Tháng 10 Năm 2018



Tổng Giám đốc

Lưu Ngọc Thanh

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý 3 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		186.252.427.568	163.354.415.693
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(83.293.062.942)	(83.343.262.937)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39.339.739.193)	(38.767.865.518)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(258.710.200)	(117.942.622)
5. Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.813.887.229)	(3.745.668.048)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.594.026.021	2.813.316.991
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.261.970.101)	(18.964.196.751)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.879.083.924	21.228.796.808
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.690.696.200)	(12.175.295.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			11.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		148.121	
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.690.548.079)	(12.175.284.980)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.301.529.484	6.109.661.951
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.744.979.181)	(20.391.199.262)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.190.874.875)	(5.034.250.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.634.324.572)	(19.315.787.811)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(445.788.727)	(10.262.275.983)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.948.213.743	21.485.382.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		13.502.425.016	11.223.106.996

Vũng Tàu, Ngày 12 Tháng 10 Năm 2018

Người lập báo cáo

Kế Toán Trưởng



(Signature)
 Lưu Thị Mai

(Signature)
 Trần Thị Cảnh

LƯU NGỌC THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 04 năm 2005, chuẩn y các việc sau: bổ sung ngành nghề kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng; vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh; mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng và tăng vốn điều lệ từ 2.100.000.000 VND lên 3.100.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 27 tháng 06 năm 2006, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 3.100.000.000 VND lên 5.300.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 04 năm 2007, chuẩn y các việc sau: bổ sung ngành nghề kinh doanh mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng và tăng vốn điều lệ từ 5.300.000.000 VND lên 25.612.400.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23 tháng 05 năm 2008, chuẩn y các việc sau: thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000/cổ phiếu xuống 10.000/cổ phiếu và thay đổi người sở hữu cổ đông sáng lập của Công ty, từ ông Nguyễn Đức Tuấn sang bà Dư Thị Thanh Hương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm số 3500640966 ngày 24 tháng 12 năm 2008, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 25.612.400.000 VND lên 40.942.700.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 05 năm 2010, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 40.942.700.000 VND lên 53.206.940.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 08 năm 2012, chuẩn y việc đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Gạch Ngói Xây dựng Mỹ Xuân thành Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 08 năm 2018, Chuẩn y việc thay đổi địa chỉ Công ty từ Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thành Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 44/2011/GCNCP-VSD ngày 27 tháng 06 năm 2011 với số lượng 5.320.694 cổ phiếu niêm yết tương ứng 53.206.940.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 15 tháng 09 năm 2011 với mã chứng khoán là GMX.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- **Vốn điều lệ** : 53.206.940.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lưu Ngọc Thanh	12B/7 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Tp. Vũng Tàu	200.000	2.000.000.000	3,76
2	Ông Dư Quốc Trung	127/20 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu	129.800	1.298.000.000	2,44
3	Ông Ngô Thành Cương	H65 C/C Hoàng Tháp, Đường 9A, Xã Bình Hưng, H. Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	52.608	526.080.000	0,99
4	Ông Nguyễn Văn Sơn	69 Lê Lợi, Phường 9, Tp. Vũng Tàu	131.722	1.317.220.000	2,48
5	Ông Nguyễn Thế Đô	48/16/7 Nguyễn Trường Tộ, Phường 3, Tp. Vũng Tàu	121.200	1.212.000.000	2,28
6	Các cổ đông khác		4.685.364	46.853.640.000	88,06
	Cộng		5.320.694	53.206.940.000	100,00

Số cổ phiếu : 5.320.694 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : (0254) 3 876 770 – 3 893 150

Fax : (0254) 3 894 168

Mã số thuế : **3 5 0 0 6 4 0 9 6 6**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Khai thác đất sét;

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;

Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mô;

Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;

Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỒM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm 1 công ty liên kết (có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty) và 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
“Dự án Nhà máy Sản xuất Gạch Ngói” do Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh làm chủ đầu tư	Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	25%	25%	Khai thác mỏ sét và Nhà máy sản xuất gạch ngói

Văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gồm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng giao dịch, không kinh doanh

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 397 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 408 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác và vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

khoản phải thu không mang tính thương mại tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 05

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và chi phí thăm dò mỏ sét.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là từ 5 đến 38 năm.

Chi phí thăm dò mỏ sét

Chi phí cho hoạt động thăm dò mỏ sét, chi phí đền bù mở rộng mỏ sét được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, lệ phí quyền khai thác khoáng sản và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Lệ phí quyền khai thác khoáng sản là chi phí mà Công ty chi ra để có được quyền khai thác khoáng sản. Lệ phí quyền khai thác khoáng sản được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được khai thác còn lại.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo đổi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/18</u>	<u>01/01/18</u>
Tiền mặt	4.867.736.964	3.342.160.000
Tiền gửi ngân hàng	8.634.688.052	10.606.053.743
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	6.157.469.769	6.178.732.363
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.475.195.375	4.425.450.947
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (Chứng khoán)	2.022.908	1.141.975
Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Sài Gòn (Chứng khoán)	-	728.458
Các khoản tương đương tiền	-	3.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	3.500.000.000
Cộng	<u>13.502.425.016</u>	<u>17.448.213.743</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất 4,3%/năm (tại 31/12/2017: 4,3%/năm).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>30/09/18</u>	<u>01/01/18</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.566.803.829	1.491.176.107
Khu vực Bà Rịa - Long Điền - Đất Đỏ	26.530.474	17.953.693
Khu vực Tân Thành - Châu Đức	142.202.040	68.329.285
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	1.832.414.408	728.960.595
Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	71.681.286	56.895.396
Khu vực miền Trung - Tây Nguyên	629.155.207	340.695.324
Khu vực Đà Lạt	43.311.114	17.788.354
Văn phòng đại diện Vũng Tàu	73.051.000	65.000.000
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	220.708.800	180.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	517.517.000	-
Các khách hàng khác	10.232.500	15.553.460
Cộng	<u>3.566.803.829</u>	<u>1.491.176.107</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	<u>220.708.800</u>	<u>180.000.000</u>
Cộng	<u>220.708.800</u>	<u>180.000.000</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/09/18</u>	<u>01/01/18</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.581.240.000	181.350.000
Bà Đỗ Thị Huệ	-	5.500.000
Công ty TNHH TM DV và KT PCCC Phương Nam	-	135.850.000
Công ty CP Tin học Vân Thanh	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Nhật Tân	39.600.000	-
Công ty TNHH Thương mại Ngân Long	101.640.000	-
Công Ty TNHH Phương Trân	300.000.000	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Phương Trang Ngọc	1.100.000.000	-		
Cộng	1.581.240.000	181.350.000		
4. Phải thu khác				
	30/09/18	01/01/18		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	9.730.029.910	-	3.403.917.933	-
x Tạm ứng nhân viên	79.411.000	-	112.508.541	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	-	-	11.025.000	-
Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh	7.734.769.000	-	-	-
x Ông Nguyễn Xuân Thời	-	-	2.000.000.000	-
Bà Đoàn Thị Dung	1.897.513.000	-	1.158.678.000	-
Phải thu khác	18.336.910	-	121.706.392	-
Phải thu dài hạn khác	379.008.762	-	360.021.319	-
x Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	379.008.762	-	360.021.319	-
Công ty TNHH Xây lắp Dịch vụ Tân Thịnh	-	-	-	-
Cộng	10.109.038.672	-	3.763.939.252	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/9/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	-	15.553.460	-	15.553.460
Cửa hàng VLXD Anh Duy	-	-	-	4.000.000	-	4.000.000
Công ty TNHH Phát Đạt	-	-	-	11.553.460	-	11.553.460
Cộng	-	-	-	15.553.460	-	15.553.460

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

6. Hàng tồn kho

	30/09/18		01/01/18	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.461.334.663	-	15.917.913.569	-
Công cụ, dụng cụ	429.552.379	-	144.465.781	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.714.849.846	-	2.784.913.182	-
Thành phẩm	6.225.175.101	-	5.378.705.289	-
Hàng hóa	1.485.961.665	-	383.632.906	-
Cộng	40.316.873.654	-	24.609.630.727	-

7. Chi phí trả trước

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a/ Chi phí trả trước ngắn hạn	908.013.426	390.211.345
Chi phí công cụ dụng cụ	908.013.426	390.211.345
		-
b/ Chi phí trả trước dài hạn	3.186.291.151	4.728.292.785
Chi phí công cụ dụng cụ	1.054.436.043	1.303.476.381
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.234.716.584	1.877.183.080
Lệ phí quyền khai thác khoáng sản	897.138.524	1.547.633.324
Tổng cộng	4.094.304.577	5.118.504.130

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	39.475.455.185	49.746.803.458	4.590.300.352	476.884.500	94.289.443.495
2. Số tăng trong quý	6.322.149.738	4.295.991.334	-	247.000.000	10.865.141.072
- Mua sắm mới		2.526.818.182		247.000.000	2.773.818.182
- XDCB hoàn thành	6.322.149.738	1.769.173.152			8.091.322.890

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giảm trong quý	1.708.011.776	1.046.102.034	-	37.018.500	2.791.132.310
- Thanh lý	1.708.011.776	1.046.102.034		37.018.500	2.791.132.310
- Nhượng bán					-
- Giảm khác (*)	-		-	-	-
4. Số cuối quý	44.089.593.147	52.996.692.758	4.590.300.352	686.866.000	102.363.452.257
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	26.262.081.779	36.334.636.725	2.334.462.410	271.194.870	65.202.375.784
2. Tăng trong quý	1.473.381.737	3.028.302.786	367.019.507	94.593.890	4.963.297.920
- Khấu hao trong quý	1.473.381.737	3.028.302.786	367.019.507	94.593.890	4.963.297.920
3. Giảm trong quý	1.708.011.776	1.046.102.034	-	37.018.500	2.791.132.310
- Thanh lý	1.708.011.776	1.046.102.034		37.018.500	2.791.132.310
4. Số cuối năm	26.027.451.740	38.316.837.477	2.701.481.917	328.770.260	67.374.541.394
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	13.213.373.406	13.412.166.733	2.255.837.942	205.689.630	29.087.067.711
2. Số cuối năm	18.062.141.407	14.679.855.281	1.888.818.435	358.095.740	34.988.910.863

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Đến 01/01/18	12.101.278.968	21.260.699.988	795.573.533	78.314.500	34.235.866.989
Đến 30/09/18	11.677.132.546	21.235.698.713	1.516.409.897	41.296.000	34.470.537.156

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	25.507.139.502	662.025.000	26.169.164.502
2. Tăng trong kỳ			-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	25.507.139.502	662.025.000	26.169.164.502
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	9.145.420.580	633.275.000	9.778.695.580
2. Tăng trong kỳ	1.147.779.900	5.625.000	1.153.404.900

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	10.293.200.480	638.900.000	10.932.100.480

III. Giá trị còn lại

1. Số đầu năm	16.361.718.922	28.750.000	16.390.468.922
2. Số cuối kỳ	15.213.939.022	23.125.000	15.237.064.022

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Đến 01/01/18	1.833.570.904	632.025.000	2.465.595.904
Đến 30/09/18	1.833.570.904	632.025.000	2.465.595.904

10. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>30/09/18</u>	<u>01/01/18</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	6.798.271.371	6.410.394.180
Mua sắm TSCĐ	3.379.197.273	3.687.860.909
Đất mở rộng kho chứa nguyên liệu tại Nhà máy	2.356.470.000	2.356.470.000
Hệ thống béc phun dầu FO	-	1.187.500.000
Nhà cơ khí nổi dài	-	143.890.909
Máy nhào đùn liên hợp	1.022.727.273	-
XDCB dở dang	3.419.074.098	2.512.236.905
Hạng mục thuộc công ty	170.838.300	959.450.468
Mở rộng mỏ sét Mỹ Xuân	1.214.265.172	1.214.265.172
Kho gói màu	281.747.800	281.747.800
Máy cấp liệu than	-	28.906.846
Hệ thống béc phun dầu FO	-	27.866.619
Máy cán mịn CR1208	473.990.654	-
Máy nghiền xa mốt	132.727.734	-
Quạt N8	30.088.435	-
Quạt N12	43.742.176	-
Quạt N16	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	86.820.314	
Trạm cân	58.170.974	-
Máy cán mịn CR1208 - 1 cái	217.348.237	-
Máy cán mịn CR1208 - 2 cái	167.581.669	-
Quạt N14 - 1 Cái	54.939.125	-
Quạt N14 - 4 Cái	127.142.508	-
Máy nhào đùn liên hợp	95.000.000	-
Dự Án Châu Đức	30.500.000	-
Máy xa luân Bogioani	234.171.000	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	210.296.366
Băng tải đất ù DC3	-	57.173.639
Chi phí sửa chữa sân kính DC3	-	153.122.727
Sửa lò sấy gạch mini DC3		-
Cộng	<u>6.798.271.371</u>	<u>6.410.394.180</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

	30/9/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
<i>Đầu tư vào công ty liên kết (i)</i>	-	-	-	7.055.680.000	-	7.055.680.000
Dự án Nhà máy Sản xuất Gạch Ngói	-	-	-	7.055.680.000	-	7.055.680.000
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)</i>	-	-	-	66.879	-	66.879
Công ty CP Xây lắp Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	-	66.879	-	66.879
Cộng	-	-	-	7.055.746.879	-	7.055.746.879

(i) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	30/9/2018			01/01/2018				
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Dự án Nhà máy Sản xuất Gạch Ngói	Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Khai thác mỏ sét và Nhà máy sản xuất gạch ngói		-	-	-	25%	7.700.000.000	-	7.700.000.000
Cộng				-	-	-	7.700.000.000	-	7.700.000.000	

Khoản đầu tư vào Dự án Nhà máy Sản xuất Gạch Ngói tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hợp đồng Hợp tác đầu tư số 006/HĐHTKD ngày 13 tháng 06 năm 2011 với Công ty TNHH Xây lắp – Dịch vụ Tân Thịnh và Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân với giá trị vốn góp là 7.700.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 25% vốn điều lệ của dự án này. Hoạt động chính của dự án là khai thác mỏ sét và sản xuất gạch ngói.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày 21 tháng 4 năm 2017 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng dự án Đầu tư Khai thác mỏ đất sét và Nhà máy Sản xuất Gạch ngói tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 17 tháng 5 năm 2017, Công ty TNHH Xây lắp – Dịch vụ Tân Thịnh, Công ty CP Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân và Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân đã ký Biên bản thỏa thuận về việc Chuyển nhượng dự án Đầu tư Khai thác mỏ đất sét và Nhà máy Sản xuất Gạch ngói tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ Công ty TNHH Xây lắp – Dịch vụ Tân Thịnh và Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân sang cho Công ty CP Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân. Theo thỏa thuận thì toàn bộ dự án này Công ty CP Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân sẽ mua lại của Công ty TNHH Xây lắp – Dịch vụ Tân Thịnh và Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân. Theo Biên bản số 01/BBLV/TT.GMX-2018 ngày 30/09/2018 giữa Công ty TNHH Xây Lắp và Dịch vụ Tân Thịnh và Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân đã ghi nhận đối với khoản tiền 7.734.769.000 đồng (Bảy tỷ, bảy trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn) mà Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân đã góp được hai bên thống nhất ghi nhận khoản phải thu, phải trả của Doanh nghiệp về khoản tiền chuyển nhượng Dự án, và ghi nhận giảm vốn góp đầu tư.

Thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Cổ phiếu Công ty CP Xây Lắp Bà Rịa - Vũng Tàu với mã cổ phiếu VRC, số cổ phiếu Công ty đang sở hữu tại ngày 30/6/2018 là 0 cổ phiếu (Tại ngày 31/12/2017 là 10 cổ phiếu) với mệnh giá là 10.000/cổ phiếu.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/18		01/01/18	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	15.576.683.458	15.576.683.458	10.889.134.161	10.889.134.161
Phí đền bù giải tỏa, mở rộng mỏ sét Mỹ Xuân 1	47.421.860	47.421.860	47.421.860	47.421.860
Phí đền bù đất, hoa màu mỏ sét Đợt 2	32.955.220	32.955.220	32.955.220	32.955.220
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	7.117.547.380	7.117.547.380	6.668.140.672	6.668.140.672
- Cung cấp hàng hóa	5.712.882.380	5.712.882.380	5.165.969.672	5.165.969.672
- Cung cấp dịch vụ thuê máy móc thiết bị	179.502.000	179.502.000	280.882.000	280.882.000
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.225.163.000	1.225.163.000	1.221.289.000	1.221.289.000
Công ty TNHH BEHNMEYER Việt Nam	342.256.376	342.256.376	547.884.568	547.884.568

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty TNHH Đầu tư TM DV Lưu Kiến Lộc	64.290.406	64.290.406	754.561.700	754.561.700
Công ty CP Đầu tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	822.425.180	822.425.180	1.130.243.200	1.130.243.200
Công ty TNHH Thủy Triều Phát	908.435.070	908.435.070	516.654.140	516.654.140
Công ty TNHH Trí Đạt	3.406.402.135	3.406.402.135	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.834.949.831	2.834.949.831	1.191.272.801	1.191.272.801
Cộng	15.576.683.458	15.576.683.458	10.889.134.161	10.889.134.161

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu vực Bà Rịa - Long Điền - Đất Đỏ	24.767.038	66.432.400
Khu vực Tân Thành - Châu Đức	176.913.852	18.030.335
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh - Nguyễn Văn Kiền	2.689.428	-
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh - Phan Đình Tấn	59.770.072	60.288.709
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh - Dư Tuấn Sơn	-	720.000
Khu vực miền Trung - Tây Nguyên	698.939.062	305.000.035
Khu vực Đà Lạt	-	-
Khu vực Vũng Tàu	310.489.964	-
Tổng cộng	1.273.569.416	450.471.479

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	<u>Phải nộp đầu năm</u>	<u>Phải nộp trong năm</u>	<u>Đã nộp trong năm</u>	<u>Còn phải nộp cuối năm</u>
1.	Thuế	3.321.885.750	14.140.641.687	14.723.174.700	2.739.352.737
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.064.138.602	5.948.327.500	6.082.486.638	929.979.464
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
3.	Thuế xuất nhập khẩu	(11.973.500)	-	-	(11.973.500)
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.288.960.240	3.818.868.519	3.813.887.229	1.293.941.530
5.	Thuế tài nguyên (**)	47.748.750	3.435.058.882	3.482.807.632	-
6.	Tiền thuê đất	494.384.880	-	-	494.384.880
7.	Các loại thuế khác	438.626.778	938.386.786	1.343.993.201	33.020.363
	- Thuế TNCN phát sinh trong kỳ	446.617.367	1.230.623.835	1.343.993.201	333.248.001

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Quyết toán TNCN năm 2017	(7.990.589)	(292.237.049)	(300.227.638)	
8. Thuế Môn Bài		3.000.000	3.000.000	
II. Các khoản phải nộp khác	18.190.000	363.786.021	381.976.021	-
1. Các khoản phí, lệ phí	18.190.000	337.738.900	355.928.900	-
2. Các khoản khác		26.047.121	26.047.121	-
Tổng cộng	3.340.075.750	14.504.427.708	15.105.150.721	2.739.352.737

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng: 10%

- **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo quy định hiện hành.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	127.120.520	236.787.410
Bảo hiểm xã hội	545.015.070	501.077.805
Bảo hiểm y tế	96.179.130	88.425.495
Bảo hiểm thất nghiệp	42.746.280	39.300.220
Phải trả Cổ tức, Lợi nhuận được chia	167.163.250	290.376.825
Phải trả khác	344.805.338	41.715.940
Tổng cộng	1.323.029.588	1.197.683.695

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/09/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a/ Vay ngắn hạn	-	-	46.314.856.210	39.744.979.181		6.569.877.029
- Vay Chi nhánh ngân hàng ĐT-PT Phú Mỹ	-	-	28.691.637.950	22.121.760.921		6.569.877.029
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	17.623.218.260	17.623.218.260		-
b/ Vay dài hạn	-	-	-	-		-
Tổng cộng	-	-	46.314.856.210	39.744.979.181	-	6.569.877.029

(i) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ

Hợp đồng tín dụng hạn mức: Số 01/2017/1509034/HĐTD ngày 23 tháng 8 năm 2017

Hạn mức tín dụng: 18.000.000.000 VND (bao gồm dư nợ từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1509034/HĐTD ngày 24 tháng 6 năm 2016)

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Thời hạn cho vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể

Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Biện pháp đảm bảo: Thẻ chấp Quyền khai thác sét theo Quyết định số 2457/QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2008, Giấy phép số 21/GP-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013, "Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013" số 01/2017/1509034/SĐBS ngày 10 tháng 8 năm 2017 và các biện pháp bảo đảm bổ sung, thay thế.

Giá trị hàng tồn kho, quyền đòi nợ từ các hợp đồng, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, vốn góp vào các công ty khác... của Bên vay đương nhiên là tài sản đảm bảo cho hạn mức tín dụng tại Ngân hàng.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác (khi Ngân hàng có yêu cầu). Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng (khi Ngân hàng có yêu cầu).

(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

Hợp đồng cho vay theo hạn mức: Số GMX-HĐHM/2017 ngày 01 tháng 12 năm 2017

Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND

Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký Hợp đồng này đến ngày 26 tháng 7 năm 2018

Thời hạn cho vay: Tối đa là 5 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

Lãi suất: Theo từng Giấy nhận nợ

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Biện pháp đảm bảo: Theo Hợp đồng bảo đảm số 01-2017-HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017; số 02-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017; số 03-2017/HĐTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 14550.
- Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Nhà cửa vật kiến trúc trên đất thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.
- Máy móc thiết bị thuộc Dây chuyền II, dây chuyền ngói xi măng màu không nung và dây chuyền III - Nhà máy Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01/01	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Tại ngày 31/12
2017					
Quỹ khen thưởng	4.866.373.716	4.155.409.724		(3.278.320.901)	5.743.462.539
Quỹ phúc lợi	519.016.852	415.540.972		(204.885.000)	729.672.824
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	381.508.082	2.142.923.171		(1.596.713.057)	927.718.196
Cộng	5.766.898.650	6.713.873.867	0	(5.079.918.958)	7.400.853.559
	Số dư 01/01/2018	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số dư 30/09/2018
2018					
Quỹ khen thưởng	5.743.462.539	3.266.153.919		1.792.800.000	7.216.816.458
Quỹ phúc lợi	729.672.824	326.615.392		179.889.000	876.399.216
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	927.718.196	46.111.598		973.829.000	794
Cộng	7.400.853.559	3.638.880.909	0	2.946.518.000	8.093.216.468

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	53.206.940.000	80.284.000	710.400.000	(62.460.000)	11.588.931.842	13.128.468.873	78.652.564.715
Vốn ngân sách cấp bổ sung	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	20.777.048.619	20.777.048.619
Tăng các quỹ năm trước	-	-	-	-	-	(13.286.120.000)	(13.286.120.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	415.540.972	(7.129.414.839)	(6.713.873.867)
Số dư cuối năm trước	53.206.940.000	80.284.000	710.400.000	(62.460.000)	12.004.472.814	13.489.982.653	79.429.619.467
Số dư đầu năm nay	53.206.940.000	80.284.000	710.400.000	(62.460.000)	12.004.472.814	13.489.982.653	79.429.619.467
Vốn ngân sách cấp bổ sung	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	16.330.769.592	16.330.769.592
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(24.775.371)	(24.775.371)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.314.448.000)	(5.314.448.000)
Tạm trích lập các quỹ kỳ này	-	-	-	-	326.615.392	(3.965.496.301)	(3.638.880.909)
Số dư cuối kỳ	53.206.940.000	80.284.000	710.400.000	(62.460.000)	12.331.088.206	20.516.032.573	86.782.284.779

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		13.489.982.653
Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	16.330.769.592	
Các khoản tăng lợi nhuận	-	
Các khoản giảm lợi nhuận	9.304.719.672	
<i>Chia cổ tức</i>	5.314.448.000	
<i>Trích lập các quỹ (*)</i>	3.965.496.301	
<i>Điều chỉnh khác</i>	24.775.371	

Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau

20.516.032.573

Cổ phiếu

	<u>30/9/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.320.694	5.320.694
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.320.694	5.320.694
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.320.694	5.320.694
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(6.246)	(6.246)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(6.246)	(6.246)
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.314.448	5.314.448
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.314.448	5.314.448
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

Căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ/2018 ngày 27 tháng 4 năm 2018, Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2018 ngày 27 tháng 4 năm 2018. Quyết định phân phối lợi nhuận năm 2017 công bố chia cổ tức theo tỷ lệ 25% trên vốn chủ sở hữu với số tiền tương đương là 13.286.120.000VND. Ngày 20/06/2018 Công ty đã chia cổ tức Đợt 2/2017 là 10% trên vốn chủ sở hữu với số tiền tương đương là: 5.314.448.000 VND

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	9 Tháng ĐN 2018	9 Tháng ĐN 2017
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	144.307.715.487	125.764.250.769
Doanh thu ngói xi măng màu	33.440.081.425	28.438.038.273
Doanh thu hoạt động khác	689.784.000	594.381.818
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>		
Doanh thu thuần	178.437.580.912	154.796.670.860

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn gạch ngói đất sét nung	94.185.442.347	83.859.808.413
Giá vốn ngói xi măng màu	29.266.997.481	22.938.261.247
Giá vốn động khác	626.769.455	564.140.575
Tổng cộng	124.079.209.283	107.362.210.235

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	24.352.040	312.011.015
Lãi Hoạt động mua bán chứng khoán	148.121	
Tổng cộng	24.500.161	312.011.015

4. Chi phí tài chính

Chi phí Hoạt động mua bán chứng khoán		
Chi phí lãi vay	280.517.802	131.313.165
Tổng cộng	280.517.802	131.313.165

5. Chi phí bán hàng

	9 Tháng ĐN 2018	9 Tháng ĐN 2017
Chi phí nhân viên bán hàng	5.612.710.429	4.934.456.368
Chi phí vật liệu	4.464.994.316	3.468.330.519
Chi phí công cụ	332.977.441	450.210.691
Chi phí khấu hao	174.637.415	111.354.300
Chi phí bảo hành		470.000
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	11.159.778.762	8.400.245.831
Chi phí bằng tiền khác	1.480.551.091	1.333.921.185
Tổng cộng	23.225.649.454	18.698.988.894

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>9 Tháng ĐN 2018</u>	<u>9 Tháng ĐN 2017</u>
Chi phí nhân viên quản lý	8.239.937.332	7.366.441.465
Chi phí đồ dùng Văn Phòng	86.098.213	105.528.632
Chi phí khấu hao	211.202.100	201.827.070
Thuế, phí, lệ phí	18.918.849	3.150.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.641.599	946.950.930
Chi phí bằng tiền khác	1.416.078.435	971.041.118
Tổng cộng	<u>10.712.876.528</u>	<u>9.594.939.215</u>

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	<u>9 Tháng ĐN 2018</u>	<u>9 Tháng ĐN 2017</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Thu các khoản dự phòng	15.553.460	
Thu các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến cung cấp vật tư	9.894.060	
Thu nhập khác	16.066.429	5.173.918
Tổng cộng	<u>41.513.949</u>	<u>5.173.918</u>
Chi phí khác		
Thanh lý tài sản cố định		
Chi phí khác	69.609.694	104.978.252
Phạt thuế, chậm nộp bảo hiểm	10.869.521	18.270.448
Tổng cộng	<u>80.479.215</u>	<u>123.248.700</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	<u>(38.965.266)</u>	<u>(118.074.782)</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Gạch ngói đất sét nung	Ngói xi măng màu	Hoạt động khác	Cộng	Gạch ngói đất sét nung	Ngói xi măng màu	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu	144.307.715.487	33.440.081.425	689.784.000	178.437.580.912	125.764.250.769	28.438.038.273	594.381.818	154.796.670.860
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần	144.307.715.487	33.440.081.425	689.784.000	178.437.580.912	125.764.250.769	28.438.038.273	594.381.818	154.796.670.860
Giá vốn	94.185.442.347	29.266.997.481	626.769.455	124.079.209.283	83.859.808.413	22.938.261.247	564.140.575	107.362.210.235
Lợi nhuận gộp	50.122.273.140	4.173.083.944	63.014.545	54.358.371.629	41.904.442.356	5.499.777.026	30.241.243	47.434.460.625
Doanh thu hoạt động tài chính	24.500.161	-	-	24.500.161	312.011.015	-	-	312.011.015
Chi phí tài chính	271.309.861	9.207.941	-	280.517.802	125.458.037	5.855.128	-	131.313.165
Chi phí bán hàng	21.965.652.682	1.259.996.772	-	23.225.649.454	17.556.617.578	1.142.371.316	-	18.698.988.894
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.712.876.528	-	-	10.712.876.528	9.594.939.215	-	-	9.594.939.215
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.196.934.230	2.903.879.231	63.014.545	20.163.828.006	14.939.438.541	4.351.550.582	30.241.243	19.321.230.366
Thu nhập khác	41.513.949	-	-	41.513.949	5.173.918	-	-	5.173.918
Chi phí khác	80.479.215	-	-	80.479.215	123.248.700	-	-	123.248.700
Lợi nhuận khác	(38.965.266)	-	-	(38.965.266)	(118.074.782)	-	-	(118.074.782)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.157.968.964	2.903.879.231	63.014.545	20.124.862.740	14.821.363.759	4.351.550.582	30.241.243	19.203.155.584
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	330.306.255	-	-	311.372.448	787.075.740	-	-	787.075.740
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	330.306.255	-	-	311.372.448	787.075.740	-	-	787.075.740
- Thù lao HĐQT không tham gia HĐQT	198.000.000	-	-	198.000.000	612.000.000	-	-	612.000.000
- Chi phí khấu hao không								

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<i>đúng quy định</i>	51.827.040	-	-	51.827.040	51.827.040	-	-	51.827.040
- Chi phí kế toán	61.545.408	-	-	61.545.408	123.248.700	-	-	123.248.700
- Phạt chậm nộp thuế, Bảo hiểm	18.933.807							
Tổng thu nhập chịu thuế	17.488.275.219	2.903.879.231	63.014.545	20.436.235.188	15.608.439.499	4.351.550.582	30.241.243	19.990.231.324
Thu nhập chịu thuế suất 20%	11.549.462.215	2.903.879.231	63.014.545	14.516.355.991	10.660.986.802	4.351.550.582	30.241.243	15.042.778.627
Thuế suất áp dụng	20%	20%	20%		20%	20,0%	20%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.309.892.442	580.775.846	12.602.909	2.903.271.197	2.132.197.360	870.310.115	6.048.249	3.008.555.724
Thu nhập tính thuế suất ưu đãi 15%	5.938.813.004	-	-	5.938.813.004	4.947.452.697	-	-	4.947.452.697
Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi	890.821.951	-	-	890.821.951	742.117.906	-	-	742.117.906
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.200.714.393	580.775.846	12.602.909	3.794.093.148	2.874.315.266	870.310.115	6.048.249	3.750.673.630

(*) Đối với hoạt động sản xuất gạch ngói đất sét nung, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỉ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 8 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi cho hoạt động này.

Đối với các dự án đầu tư mở rộng, đổi mới công nghệ, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất cụ thể như sau:

- Đầu tư dây chuyền mở rộng số 3 – Nhà máy Gạch ngói Mỹ Xuân tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, dự án này được hưởng ưu đãi thuế suất 15% trong vòng 12 năm kể từ năm 2009, đủ điều kiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo cho phần lợi nhuận tăng thêm do đầu tư mang lại. Năm 2018, Công ty không còn được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và là năm thứ 10 Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 15%.
- Đầu tư dây chuyền Béc đốt than thuộc dây chuyền sản xuất 3 của Công ty, theo điều kiện ưu đãi, thuế suất 15% trong vòng 12 năm kể từ năm 2009, dây chuyền này cũng được miễn thuế 1 năm và giảm 50% thuế phải nộp cho 4 năm tiếp theo, thời gian ưu đãi tính từ quý IV năm 2009. Năm 2014 là năm cuối cùng được giảm 50% thuế phải nộp từ thu nhập dây chuyền Béc đốt than, dây chuyền 3 không được giảm thuế đối với lợi nhuận từ dự án đầu tư này. Năm 2018, Công ty không còn được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 15%.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Áp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(**) Đối với hoạt động sản xuất ngói xi măng màu không nung theo dây chuyền thiết bị thuộc công nghiệp kỹ thuật cao của Italia được ưu đãi theo diện kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư thuộc ngành nghề lĩnh vực kinh doanh và thực hiện tại địa bàn được ưu đãi theo quy định tại khoản 4 điều 38 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính Phủ. Năm 2016 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi cho hoạt động này.

Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.330.769.592	15.452.481.954
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.592.769.310	3.786.308.079
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.738.000.282	11.666.173.875
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.314.448	5.314.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.397	2.195

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.330.769.592	15.452.481.954
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.592.769.310	3.786.308.079
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.738.000.282	11.666.173.875
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	12.738.000.282	11.666.173.875
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.314.448	5.314.448

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỖM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>9 Tháng ĐN 2018</u>	<u>9 Tháng ĐN 2017</u>
Tiền lương, phụ cấp	3.267.975.391	3.328.332.382
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	612.000.000	612.000.000
Cộng	<u>3.879.975.391</u>	<u>3.940.332.382</u>

19. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ được lấy từ báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 10 năm 2018.



LIU THỊ MAI
Người lập biểu



TRẦN THỊ CẢNH
Kế toán trưởng



LIU NGỌC THANH
Tổng giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.314.448	5.314.448
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.397	2.195

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Giao dịch

	9 Tháng ĐN 2018	9 Tháng ĐN 2017
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân		
Cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị	580.708.800	540.000.000
Thu tiền cung cấp dịch vụ	540.000.000	547.260.000
Mua hàng	44.551.841.356	41.323.723.314
Thanh toán tiền mua hàng	44.004.928.648	40.300.264.795
Thuê máy móc thiết bị	2.078.938.750	2.190.005.000
Thanh toán thuê máy móc thiết bị	2.180.318.750	2.269.264.000
Dịch vụ vận chuyển	11.478.211.000	8.161.902.000
Thanh toán phí dịch vụ vận chuyển	11.474.337.000	8.169.414.000

Số dư

	9 Tháng ĐN 2018	9 Tháng ĐN 2017
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	220.708.800	180.000.000
Phải trả tiền mua hàng	5.712.882.380	5.109.141.334
Phải trả phí thuê máy móc thiết bị	179.502.000	211.792.000
Phải trả phí dịch vụ vận chuyển	1.225.163.000	817.889.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kính Gửi : - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân xin giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh tại thời điểm quý 3 năm 2018 so với quý 3 năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Quý 3/2018	Quý 3/2017	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	64.904.925.575	57.717.780.155	7.187.145.420	12,45%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.809.497.285	6.108.356.388	701.140.897	11,48%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập	5.515.555.755	4.921.982.645	593.573.110	12,06%

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2018 của công ty tăng 12,06% so với cùng kỳ năm 2017 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu trong quý 3 năm 2018 tăng so với cùng kỳ năm 2017 12,45 % là do sản lượng tiêu thụ nhóm sản phẩm SP trang trí và Sản lượng tiêu thụ nhóm Sản Phẩm Gạch xây tường tăng.

- Việc áp dụng cơ giới hóa vào các công đoạn sản xuất ngày càng cao làm tăng năng suất lao động và làm giảm giá thành sản phẩm và lợi nhuận tăng.

- Với nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB.CNV, Công ty chúng tôi sẽ ra sức tiết kiệm chi phí và vận dụng tối đa mọi nguồn lực để hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân về Kết quả kinh doanh quý 3 năm 2018 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm 2017.

Xin trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên
- Văn thư
- Phòng TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI
GỐM XÂY DỰNG
MỸ XUÂN
TX. PHU MỸ T. BÀ RỊA - VÙNG TÂY
M.S.Đ. 3500640000 C.T.C.P

LƯU NGỌC THANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN**

SỐ: 45 /CV.GMX-2018

V/v: CBTT Báo Cáo Tài Chính
Q3. 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

Phú Mỹ, Ngày 19 Tháng 10 năm 2018

Kính Gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khoán : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ – BRVT
4. Điện thoại : 02543.893150 Fax: 02543 894168
5. Người thực hiện công bố thông tin : Phạm Thị Hương Duyên
6. Nội dung của thông tin công bố :
 - 6.1 Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018 của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 13/10/2018 bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC
 - 6.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm ngoài

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.myxuan-vt.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Phạm Thị Hương Duyên